



Dân tộc Việt Nam có bề dày lịch sử 4000 năm văn hiến và văn hóa Việt Nam có hàng nghìn năm truyền thống. Riêng về văn hóa dân gian, ít nhất lịch trình phát triển cũng đã trải qua 4000 năm, kể từ thuở vua Hùng dựng nước.

Chức năng của văn hóa là phản ánh hiện thực của cuộc sống. Đời sống tinh thần của con người nhất là đời sống tinh thần có đức tin là một mảng đời sống tồn tại trong hiện thực của cuộc sống. Chính vì thế, nội dung tộc ngữ, ca dao, ngữ ngôn, truyền cảm tích, truyền cảm hứng thu thập kho tàng văn hóa dân gian cũng được phản ánh nội dung tôn giáo, phản ánh nội dung về tôn giáo.

Phật giáo Việt Nam là một thực thể tinh thần đã hiện diện, tồn tại hàng ngàn năm cùng dân tộc Việt Nam, trở thành một phần tâm linh tinh thần dân tộc, một thành tố truyền thống và văn hóa tâm linh. Toàn bộ văn hóa của thực thể các tri thức đời Lý, Trần được kho tàng văn hóa dân gian đưa nêu bật lý tưởng sống sống ngời ngợi yêu đời của Phật giáo.

Qua văn hóa, ta tiếp nhận mọi cái đẹp về cuộc sống thông qua cảm quan thẩm mỹ. Mọi quan niệm chúng ta về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng cũng được nhân dân phản ánh vào văn hóa bằng cái nhìn thẩm mỹ của nhân dân lao động.

Lịch sử dân tộc là lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, giữ nước. Phật giáo bắt đầu du nhập vào nước ta thời Bắc thuộc. Khi đó Phật giáo đã qua hai đường mà vào: một đường qua Trung Quốc nhưng trọng tâm là đường qua các biên phòng Nam. Và khoảng cuối thế kỷ II sau Công nguyên, Phật giáo Giao Châu nước ta thực hiện hai lần Ngô (một trong ba lần ở Trung Quốc thời Tam Quốc). Phật giáo một mặt thâm nhập vào quần chúng nhân dân, một mặt khác lại thâm nhập vào các tầng lớp trên của xã hội trong đó có trí thức phong kiến. Hai tên gọi khác nhau là Bắc và Phật phân biệt như hai con đường du nhập của đạo Phật, một đường thì trực tiếp từ Ấn Độ sang (

phiên âm tiếng Hán là Buddha

), một đường thông qua Trung Quốc (

Phật, Phật Đà là âm Hán Việt của các tiếng Trung Quốc

) Bắc là tầng lớp dân gian, Phật là tầng lớp bác học. Phật giáo đã được quần chúng nhân dân chấp nhận vì tinh thần bình đẳng, tình thương yêu đồng loại, quần chúng lao khổ mà Phật giáo phân biệt phù hợp với lý tưởng giải phóng của nhân dân ta. Phật giáo sớm được chấp nhận trong nhân dân ta thời Bắc thuộc. Với Phật giáo nhiều truyền dân gian ở Ấn Độ cũng du nhập vào nước ta.

Tăng trưởng của dòng phương thức chuyên truyền giáo nhưng khi những truyền do đạo Phật chuyên tâm thâm nhập vào nhân dân ta thì phương pháp lý luận mới, trái lại những yếu tố có tính chất dân gian đậm nét hơn, mang sắc thái mê tín - sắc thái Việt, của những truyền thoại đã tách khỏi kinh Phật hoặc lý thuyết giáo đã trở thành truyền ngôn, hoặc truyền của tích của nhân dân ta. Hòa vào lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo đã có những công sức trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều này không những lịch sử dân tộc Việt Nam không thể thiếu mà nhân dân Việt Nam cũng từng khẳng định thông qua những sáng tác truyền miệng của quần chúng.

Tôn giáo vốn là một thế giới tinh thần thiêng liêng đối với con người và giới giới đức tin nhưng một khi tôn giáo có những biểu hiện sa sút thì nhân dân không chấp nhận. Lúc đó ý thức phê phán xây dựng của nhân dân ta đã mạnh mẽ tác động mạnh mẽ văn học dân gian để hình thành tiếng nói đã kích thích những tư tưởng.

Trong quá trình giao lưu văn hóa khi nhân dân ta tiếp nhận thì những tác phẩm nghệ thuật tôn giáo đan xen nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Bởi vậy, nội dung văn học nghệ thuật tôn giáo không thuần nhất, đôi khi mang nhiều yếu tố: khi thì mang yếu tố của tôn giáo này, lúc lại chứa yếu tố của tôn giáo khác. Ở đây ta chỉ đi sâu vào tìm hiểu, ảnh hưởng của Phật giáo đối với các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam mà thôi.

Những chuyện ngôn ngữ như "Xóm s voi", "Mèo lười hoàn mèo", hoặc chuyện tích như "Cây nêu ngày tết" (*kể chuyện khác trong đó có truyện Bụt và quạ trộm trứng chung và chia hoa lười - Mọt Phật thoại có nguồn gốc dân gian ở Đàng Ngoài là điển hình của phong tục ngày tết của nhân dân ta*

). Truyện "Man Nợ" liên quan với tích Chùa Dầu ở Thuận Thành (Bắc Ninh) là một chuyện nảy sinh trong thời kỳ hàng loạt của Phật giáo ở nước ta khoảng thế kỷ II-IX. Những yếu tố thần thoại và thần Indra (Mây, mưa, sấm, chớp hay thần gió là Phong, Lôi, Vũ, Điện) mà Phật giáo tiếp nhận nay lại điển hình của chuyện Man Nợ khai thác và kết hợp với tính nghệ thuật dân gian Việt Nam với thần Mưa, Gió, Chớp, Sét thần hiện diện hình thức mới: đưa những yếu tố ngoại lai vào khuôn bản lĩnh Việt, sự đồng nhập những yếu tố này để bổ sung vào kho tàng văn học Việt.

Truyện tích lịch sử kể về các nhà tu hành chú ý ảnh hưởng của Phật giáo như truyện Không Lộ, Giác Hải, Minh Không (có tài liệu đồng hóa làm một, hai nhà sư như Không Lộ, Minh Không). Những "Lĩnh nam chí quái", thì lại coi là hai người: Đồ Ngộ Không Lộ và Nguyễn Minh Không). Truyện tích lịch sử một mặt mang yếu tố mê tín, mặt mặt lại bị u lẩn niềm tin hào hùng nhân vật có tài năng kể lại của nước Đàng Ngoài Việt. Truyện "Minh Không", phong phú phong thái của thần thoại và cốt lõi của Phật giáo khá đậm.

Truyện tích thần cũng ảnh hưởng tới Phật giáo, mang yếu tố của đạo Phật như truyện "Tâm Cám". Ông Bụt trong "Tâm Cám" đã hình tượng hóa tâm lòng của mang của người Việt bằng màu sắc Phật giáo. Ngay đó kể về truyện Tâm Cám cũng mang tới những Phật giáo của nhân dân "Thiền tông ác", "Chính nghĩa thiền gian tà", Tâm sáng

lời và trở thành người sau bao lần biến đổi và hóa thân thành “chim vàng anh - xoan đào - khung cửi - cây tre”... Đây thuyết luân hồi của Phật đã trở thành chủ đề và phương tiện nghệ thuật, giúp cho tác giả dân gian thể hiện những công bằng xã hội và liên tưởng thẩm mỹ của mình một cách thú vị trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng sáng tạo.

Ông Bụt trong Tục Cấm đã dùng phép sai khiến đàn chim nhốt thóc ra khỏi gò cho Tục, biến xuống hóa nón, hài, quần áo, ngựa hàng cho Tục đi hái. Những truyện như “Tục Cấm”, “Phong hoàng và cây khế”, ra đời thì kể công xã hội tàn rã để phản ánh những mâu thuẫn nảy sinh khi xuất hiện gia đình riêng thì những truyện “Cây tre trăm đốt”, “Kéo cày trả nợ”, xuất hiện sau đó, thể cáo sự gian ác của bọn địa chủ và sự khốn khổ của nhân dân.

“Cây tre trăm đốt”, nhân vật Bụt giúp kẻ thọt thà kẻ thác để nếm vị ngọt đời. Câu truyện biến thể - ông Bụt xuất hiện - tình tiết phát triển nhanh chóng chuyển biến thành thế, ánh sáng do ông Bụt mang đến là ánh sáng thông minh trí tuệ, bởi vì ông Bụt không hoá phép để tạo cây tre trăm đốt mà chỉ bày cho anh chọt tre đốt rồi ghép lại thành cây tre dài trăm đốt. Những câu chuyện “khế nhíp, khế xuýt” mới nghe có vẻ thú vị nhưng lại mang nội dung ý nghĩa hiện thực, ông Bụt đã bày cho anh Khoai cách thóc, còn phải do sự lao động của anh tạo nên, ông Bụt chỉ xuất hiện hai lần chỉ anh cách ghép và tháo rời. Nhờ thế chính anh Khoai đã nắm bí quyết để tự mình hoàn thành công việc và đời mới đích.

Trong truyện cổ tích, nhân vật Bụt xuất hiện khá nhiều. Có thể nói trong những khái niệm vốn có của nhà Phật, dân gian chọn lọc những điểm phù hợp với những ý nghĩa như: Bụt có sự cảm nhận vô biên, thế giới thông qua đời, thế giới xuyên giúp đỡ những người hiện tại. Vai trò của Bụt là vai trò của yếu tố thế giới, một thế pháp nghệ thuật quan trọng và quen thuộc của truyện cổ tích trong việc quy tụ sự phản ánh và sự phát triển của cốt truyện. Bụt xuất hiện nhiều nhưng không phải để tuyên truyền giáo lý mà chỉ để đi vào tiềm thức cho nhân vật giành lấy hạnh phúc ngay trong cõi trần, ngay trong chính cuộc đời.

Phật Môn có Đức Phật Bà Quan Âm

Cũng như truyện "Quan Âm Thập Kính", "Nam Hải Quan Âm" trình bày một mặt của người trí qua những đóng góp gian truân bất hạnh trong cuộc đời, những cuộc cùng lìa thành đức viên mãn. Điều này chứng tỏ một khi tâm đã quy phục, chí đã bền thì tất phải đức độ nhận được đích vậy.

Đieu Thiển, nhân vật chính trong truyện, vốn là con gái của Đieu Trang Vương, cha mẹ nàng xuất gia cầu đạo, không muốn lập gia đình. Nhà vua tức giận, bèn xuống lệnh cho vị trụ trì tại ngôi chùa lớn trong vùng: Một khi công chúa đến tu tại đây thì cho làm lễ cúng vật vật, cúng đức công chúa thoái tâm. Nhưng lòng, công chúa không những không thoái tâm mà lại rất chuyên tâm công phu tác. Thế gian trôi qua, nhà vua thấy mẹ và kẻ của mình bất thành, bèn ra lệnh cho đức chùa, lìa đức của rừng phun nước để phạt tất cả người. Vua xuống lệnh đem Đieu Thiển ra xử chém. Nhưng lòng thay! Lòng người mẹ của đao phật khi chạm đến con của Đieu Thiển lòng gãy làm đôi. Sau đó, Đieu Thiển đức con mảnh hồn mang lên núi. Đieu Thiển nguyện thiếp đi, còn hồn xuống âm phủ chứng kiến bao cảnh địa ngục đau đớn của người giết đạo đức. Đức lòng trụ vững, Đieu Thiển đức tâm cầu nguyện cho tất cả người nhân số đức người thoát. Hồn Đieu Thiển nhập xác trẻ lìa và vững tâm tu hành nên đức Phật hiện ra cho Đieu Thiển trở về núi Hoàng Tích mà tu:

*"Đức Phật mới chỉ đức người tu
Rừng có một ngôi chùa tại Hoàng Tích sơn
Gần bờ Nam Việt thanh nhàn
Sang tu chớ nầy số toan viên thành"*

Đi u Thi n hoan h t n th p ng hành tìm sang Nam Vi t, vào núi H ng Tích quy t tâm tu hành. Sau nhi u năm tu luy n, Đi u Thi n đ c qu thành Phật Quan Âm hóa đ chúng sinh. Ngài hi n ra nghìn tay nghìn m t t ng tr ng cho hành đ ng và quan sát :

"Tinh thông nghìn m t nghìn tay

Cũng trong m t đi m linh đài hóa ra"

Câu chuy n đ i đ là th , nh ng qua đ y c t chuy n l i chuyên ch giáo lý nhân qu - nghi p báo c a nhà Phật.

Truy n c nói chung và truy n c mang màu s c Phật giáo nói riêng đa ph n đ c đ ng trên nh ng màu s c hoang đ ng huy n tho i. Đó có th là vì cái đ u óc mê tín c a m t l p ng i th ng tr c đ i m t v i nh ng hi n t ng b t kh gi i thích c a vũ tr , nh ng đó cũng có th là vì s pha tr n c a Phật giáo và Lão giáo, đ r i n y sinh ra nh ng hình th c l ùng đáp ng các nhu c u th n bí c a con ng i.

Truyện “Tổ Đò Hồn” của Nguyễn Minh Không là một chuyện kể khá rõ ràng về đời sống này.

Thị Nở sống Đò Hồn, họ Tô tên Lữ. Thuở nhỏ đã nuôi chí lớn nên rất chuyên cần học tập, tuy bố ngoài đời ra là một cậu bé đùa nghịch ham chơi. Cha cậu là Tô Vinh, thấy con suốt ngày rong chơi nên rất đau tâm lo lắng. Đang đêm, ông lớn vào phòng Đò Hồn, thấy chàng đang tập án mà ngủ, trên tay còn cầm quyển sách. Yên tâm con mình chăm học về đêm nên ông không còn lo lắng nữa. Ít lâu sau, chàng đi thi đỗ đầu khoa, nhưng không ra làm quan vì mang nợ nợ mẹ vì thù mưu báo đáp cho cha. Cha chàng trước đó có dùng tà thuật phạm đến Duyên Thành Hộ nên Hộ nên Hộ nên Đới Điên Pháp sử dùng pháp thuật đánh chết. Nuôi hận, chàng bèn đi học pháp thuật để trả thù. Sau khi trả thù xong, Ngài thác sinh làm con của Sùng Hiên Hộ và sau đó trở thành vua Lý Thần Tông. Lý Thần Tông mắc bệnh nặng vì quẻ báo, may nhờ Minh Không Thị Nở dùng pháp thuật chữa khỏi.

Câu chuyện đời đời có thể, nhưng cái đáng nói ở đây là ý nghĩa của việc thông pháp thuật để cứu độ người tri thức. Sự kiện này chứng tỏ sự pha trộn giữa Phật và Lão khi Phật giáo không còn chính thống. Tuy vậy, hành động sử dụng pháp thuật ở đây lại giúp gửi hận về phía đời chúng, có tác dụng rất tích cực về mặt tâm lý của giới bình dân rất dễ tin vào khuyến khích người nguy

một tha lực để trì ban vui cứu khổ, trong khi giới trí thức không dè dặt chấp nhận những hình thức mang tính mê hoặc, không xuất phát từ chánh tín. Do vậy, Phật giáo ngày càng xa rời bản chất cứu hộ và nuôi dưỡng lòng sùng tu những hành trì của mình ...

Truyền cảm hứng và phát triển trong lòng xã hội có giai cấp, với những Việt, chúng là xã hội phong kiến. Trong hàng ngàn năm phong kiến, các tôn giáo phương Đông, đặc biệt là Phật giáo, đã du nhập và có tác động nhất định đến đời sống của nhân dân, là những hình thái ý thức xã hội tồn tại trong xã hội Phật giáo và văn hóa dân gian (*trong đó có các tích*) chúng có tác động và ảnh hưởng lẫn nhau.

Đạo Phật quan niệm vạn vật không do một thế lực bên ngoài nào làm ra mà do vạn vật của bản thân nó. Quy luật vạn vật là quy luật nhân quả. Mọi vật có thể có chung, sinh rồi diệt, sống rồi chết không nên gọi là "vô thường". Đạo Phật nhằm giúp thoát con người khỏi vòng vô thường mà trở về với thường bất sinh - bất diệt. Đạo Phật cũng quan niệm cuộc đời là bể khổ, con người trầm luân trong bể khổ. Để thoát khỏi cái khổ thế là giới thoát, những đạo Phật tìm nguyên nhân cái khổ ở bản thân con người, do nhân duyên (*duyên nghiệp*) luân hồi. Ai cũng khổ, nhưng ai cũng có thể giới thoát thành Phật để có những cách tu tâm. Đạo Phật chỉ hướng bình đẳng và giác ngộ thế giới chúng ta cứu khổ cứu nạn - vô tha - tử bi bác ái.

Nói chung, thơ loại tục sĩ dân gian phát triển nhanh chóng trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến trong đó loại truyện cổ tích mang màu sắc Phật giáo cũng có khá nhiều như đã tìm hiểu ở trên.

Giống với thơ loại tục sĩ có tục ngữ. Ví dụ ghi chép tục ngữ ở phần c ta thấy tiến hành từ thế kỷ XIX, vì vậy khó xác định chính xác những câu tục ngữ xuất hiện từ thời cổ. Tục ngữ Việt Nam có nhiều giá trị nhân bản rút từ tư tưởng Phật giáo. Những kinh nghiệm về nhân sinh của dân tộc Việt Nam biểu hiện ở tục ngữ tìm tàng màu sắc Phật giáo, chế độ triết lý nhân quả luân hồi nghiệp báo và các vấn đề tị bi - hỷ xả.

Ở văn hóa dân gian, tinh thần nhân ái là lòng sẵn sàng tha thứ quên bỏ bỏ những chuyện tình cảm, đem tình người. Câu tục ngữ “đốt vua, chùa làng, phong cảnh Bụt” phản ánh điểu kiện xã hội đời Lý cho thấy đã xuất hiện tư tưởng thế kỷ XII. Câu tục ngữ “Đốt Bụt mà ném chân trời, chim thì bay mất, đốt rừng xuồng chùa” tuy hàm nghĩa riêng nhưng cũng có thể đã xuất hiện khi Phật giáo còn rất thịnh ở Việt Nam. “Thiền tông người thì thiền thân” nhân sinh quan này xuất phát từ đức tị bi hỷ xả của đạo Phật biểu hiện một hành vi cao đẹp của lòng thương dân tộc. Nhìn chung, luân lý Phật giáo trong tục ngữ đời xưa, đời xưa như, đời xưa con người biết sống đời sống tốt lành, lòng người thiện. “Giấy rách phải giữ lấy lề”

hay “sông đê sao bồng thác trong”; là giáo lý tri túc - thi u dục và tam quy ngũ giới của Phật, ở đây ta thấy đã trở thành những nguyên tắc căn bản cho đời làm người.

Triết lý nhân quả của Phật cũng được dân gian Việt Nam hiểu một cách gần gũi như “hiền gặp lành”, “gieo gió gặt bão”, “không có lửa sao có khói”;

Tình thân bác ái, bổn phận của Phật được chuyển vào thế giới bồng tính thân đoàn kết tình thân ái: “môi hở răng lành” hay “máu chảy ruột mềm”;

Giáo lý luân hồi nghiệp báo được văn học dân gian thể hiện hóa bằng chính bản thân như “con là nết, vợ là oan gia, cha nhà là nghiệp chướng”, “đói cha ăn mìn, đói con khát nước”;

Đó là tình thân Phật giáo trong tục ngữ là một tình hợp kết tinh của những triết lý dân gian có ý nghĩa nhân sinh cao đẹp thấm đượm tình người. Nguyên lý cao đẹp của Phật giáo trong tục ngữ như một tiếng nói khát vọng của con người bình dân trong cuộc sống.

Vào mùa hát dân gian, đáng chú ý là loa loa dân ca nghi lễ, hát chèo trong đó chèo Chèo chùa Keo (*Vũ Tiên, Thái Bình*), chùa Hành Thiện (*Xuân Trường, Nam Định*

) liên quan đến việc thờ cúng Minh Không là sinh hoạt lễ nghi dân gian có từ đời Lý - Trần, khi mà Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân. “Kể chuyện” và “hát kể” gắn với Phật giáo cũng khá phát triển trong thời Lý Trần. Hiện nay ta còn gặp được bài “Thiền tông bốn phẩm” (*Thiền tông truy nguyên tông chơn nam quốc ngữ hành*) đời Trần, hoặc chèo “Quan Âm Thập Kính”. Hình ảnh và những tác phẩm Phật giáo trong kho tàng ca dao lời càng phong phú hơn nữa.

Có ý nghĩa biến đổi thay đổi của đời sống mà đạo Phật triển khai bằng giáo lý vô thường để cứu nhân gian tiếp nhận, lấy đó làm quan điểm sống của mình:

“Đời người như bóng phù du
Sớm còn tối mất, công phu là làng.
Sinh không, tối là hoàn không,
Khó ta ta chịu, đời mong giàu người.”

Tổ tiên ông nhân quả, luân hồi nghiệp báo là niềm tin của họ u của dân tộc.

*“Ai ơi! Hãy cho lành,
Kíp này chớ ng gộp, đừng dành kíp sau.”*

Nghe bình dân tin hiện kiếp là số kiếp nọ của kiếp này và là điếu u kiếp nọ qua kiếp này. Thế nên họ xem xét trau dồi thiện tâm là để tạo phúc cho kiếp sau. Ta có thể hiểu được điếu u đó qua bài ca dao sau:

*“Nghe trồng cây hèn nh, nghe chửi,
Ta trồng cây đức đức đi vì sao”*

Họ bỏ nhau lánh xa phiền muộn khổ đau để an tâm hưởng cuộc sống thâm tâm an lạc hạnh phúc.

*“hình thì lập đi lập lại,
ác nghiệp đi, tan tành như chổi.”*

Giáo lý nhân quả của nhà Phật được lọc qua lăng kính của nhân dân, biến thành những nguyên tắc sống động: “làm việc gì cũng phải gánh chịu hậu quả”.

*“Quả báo ăn cháo gạo rỗng,
Ăn cơm gạo rỗng, xưa rỗng gạo chày”*;

Bên cạnh đó, người bình dân còn nặng lòng hiếu kính mà “Kính báo phụng dưỡng ân” của đạo Phật đã được “ân đức cha mẹ vô lượng vô biên, không bao giờ cùng” khi người ta lòng hiếu thảo trong ánh sáng đạo Phật, nhân dân lao động hình dung công ơn sinh thành dưỡng dục như sợi dây, vĩnh hằng của trời cao bao trùm.

*" Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Mắt lòng thương mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu là đấng con ";*

Hiếu như hình xuất phát bởi lòng thương, là Bề tât hình như vậy. Trên cơ sở đó, lòng hiếu như theo trở thành một nền luân lý đấng đấng thi t yêu mà bên phần làm con phải chu toàn:

*" Làm trai như đấng trăm đấng,
Trước tiên đấng hiếu, đấng theo ng xưa nay ";*

Hiếu như hình trong Phụng giáo trong ca dao còn theo hiện tâm nguyện đấng đấng i với tiên nhân, tiên tiên trong

quả kh :

*"Khôn ngoan như mẹ cha ông,
Làm nên phận tôi tông phụng thờ.
Đeo làm con cháu có hàng họ,
Phận tôi đem hi vọng kính mà thờ nghiêm"*;

Phật tử là hình ảnh tinh khiết tiêu biểu trong
trình cho tình yêu thương, cảm ứng thiêng liêng
chúng giám cho lòng thành của người con hi vọng
tho:

*"Lâm râm khấn vái Phật tử tôi,
Xin cho cha mẹ sống đời vui con"*;

Phật giáo thấm sâu từ tận ng toàn thiến toàn m vào đời sống dân gian rất sâu đậm. Người dân lao động đã tìm thấy ở Phật giáo như đó là nơi nương tựa an ủi, nơi để bày tỏ niềm tin và thể hiện khát vọng thanh bình giải thoát khỏi mình khỏi các tác nghiệp phù du của cõi đời ô trọc.

*“Mười năm lưu lạc giang hồ,
Mất ngày tu tập ở đời nên”*;

Ngôi chùa là nơi người dân gửi gắm bao niềm vui buồn và tất cả tâm tình. Rằm - mừng một tháng dâng hương hoa phẩm vật cúng Phật.

*“Tay bưng quỳ nép vào chùa,
Thấp nhang lấy Phật, xin bùa em đeo”*;

Hay

*"Lên chùa là Phật quy y,
Cầu cho tu sĩ n tu sĩ ni k t nguy n".*

Trong thời kỳ đi xuống của đạo Phật, người bình dân vốn biết phần nào bóng nháng nơi cửa chùa bày tỏ thái độ:

*"Chị là con gái nhà giàu,
Ăn mặc tươm t đẹp vào chùa tòa sen.
Em là con gái nhà hèn,
Ăn mặc rách rưới i mom mem ngoài
hè".*

Ngoài ra, tinh thần Lạc hòa của giáo lý
thiền tông Phật cũng được ca dao thi ca
nhân dân thể hiện qua câu:

*“Mặt cây làm chèo nên non,
Ba cây chèo mả nên hòn núi cao”*;

Giáo lý tri túc - thiêu dục cũng trở thành triết
lý:

“Trông lên thì chèo ng bèo ai,

*Trông xuông thì chông thây ai bông
mình";*

Đo Phật là Đo cớ a thớ c hành hớ n là lý
thuyớ t sông:

*";Đu xây chín đớ t phù đớ ,
Không bớ ng làm phúc cớ u cho mớ t
ngớ i";*

Hay

*“Thật nhất là tu tại gia,
Thật hai tu chùa, thật ba tu chùa”*;

Tóm lại những tác phẩm giáo dục tu tại gia của Phật giáo đã được các ngài dân chúng lập thành những phù hợp với nhân sinh quan của nhân dân. Có thể nói ca dao trong văn học Việt Nam vô cùng phong phú những hình ảnh hoa đũa theo tôn giáo và văn học Việt Nam nói chung và tinh thần Phật giáo trong ca dao cũng hòa quyện với văn hóa dân tộc góp phần tăng giá trị tác phẩm văn hóa dân tộc, bởi đây cho nên văn hóa dân tộc được truyền tải.

Nếu truy cập ngôn ngữ phân ánh sáng và lên không ngừng của tư duy trong những thực xã

hỏi loài người thì truyền cảm là sự phản cảm của trí tuệ luôn phát hiện những mâu thuẫn trong xã hội. Chẳng đùng phong kiến thì đi đàng như bèo lênh cênh chính quyền phong kiến và nhà cầm quyền ngày càng rã nát tuyên truyền, báo chí ý thức hệ chính thống. Nếu vào thời Lý Trần bên cạnh những sự hạn mang đã có nhiều nhà sáng tạo lòng mơ ước theo đúng tam quy ngũ giới thì từ đời Lê, nhất là từ thế kỷ XVI trở đi, đa số sự sai là những kẻ buôn bán Phật, có hành trang ám muội như nhuốc. Nếu như có lúc không ít sự sai là những kẻ khờ Phật tâm xà thì không ít các hình thức - thức đàng, thức lang băm, thức bói, thức cúng là những kẻ giở đồ đạc hoạc bịp bợm. Họ vươn ra vẻ mình có giá trị to lớn hơn là mình có trong thức ăn. Truyền dân gian cũng có truyền cảm về nhà sáng tạo như "Thức lang và thức bói" và "Nhà có đàng",

“Đưa ra sự” là truyện có ý nghĩa hài hước sâu sắc. Tác giả dân gian tìm thấy và khai thác rất nhiều khía cạnh trong mâu thuẫn giữa bên ngoài và thực chất của sự sai và các hình thức gây cười.

Truyện “Nam mô boong!” là một truyện hài tiêu biểu. Truyện kể về một người đàn bà trẻ mới lấy chồng, chồng có con, nhan sắc đẹp đẽ. Trong làng chài có sự nhiễu loạn, người đàn ông, có cả nhà sòng, lý trưởng. Vợ chồng chửi bậy nhau đưa cả bên vào tròng. Hôm sau, người đàn bà đến ngõ gặp ngay nhà sòng, lý trưởng, ông ghê. Chồng vợ cũng thu, hèn cạnh 2 tiếng sòng nhà mình, sự mừng quá nhún nhún ngay. Chồng ta cũng hèn ông lý, thấy đỡ nhún nhún. Thế đó, nhà sòng đến trước, chồng cả kíp gọi trò đã có tiếng gõ cửa. Sự cười

lên, chọ ta bọo sọ chui vào rọ rọ i chọ rút rọ lên xà nhà, họ ai họ i thì chọ bọo là chuông nhà chùa mọ i gọ i. Lý trọ ọ ng vào cũng gọ p tình trọ ng nhọ sọ ; có tiọ ng gỏ cọ a, chọ ta bọo thọ y lý chui xuọ ng gọ m giọ ọ ng giọ chó, nhọ có ai khua thì kêu gâu gâu đôi ba tiọ ng, Lý trọ ọ ng bí quá đành nghe theo. Ngọ ọ i đàn bà mọ cọ a, thọ y đọ vào cũng chọ a kọ p làm gì thì ngọ ọ i chọ ng vọ gỏ cọ a, chọ ta bọo thọ y đọ chui vào hòm khóa. Ngọ ọ i chọ ng bọo vọ "mai có ngọ ọ i mọ i cọ , ta xem lọ i quọ n áo!", thọ y bùng nhùng trong đọ ng váy áo bèn hét "mèo hay chuọ t mà chui vào đọ ng quọ n áo thọ này, đọ a tao con dao, tao xọ a mọ t nhất cho nó chọ t đi!". Thọ y đọ sọ , đọ i váy áo đọ ng van xin, ngọ ọ i chọ ng trói nghiọ n lọ i rọ i vọ nhìn xuọ ng gọ m giọ ọ ng, lý trọ ọ ng vọ "gâu gâu". Chọ ng họ i "chó ọ đâu thọ ?", vọ đáp mọ i mua. Chọ ng bọo "chó cọ n cọ ngọ ọ i nhà, đọ a thọ ọ c tao

đẹp nó mặt trời”;. Lúc đầu lý trí ông còn kêu gâu gâu, sau thò mặt ra van xin. Anh chàng trối lời, đoán nhìn xà nhà hỏi “cái gì ông ông kia?”, vờ nói là chuông chùa mới gõ. Chàng bèn “có kêu không? Đem tao đánh th”;. Bèn lấy tay th”c đánh luôn tay, nhà s” v”i kêu “boong boong”;. Anh chàng c” đánh luôn tay, nhà s” cu”ng lên “na mô boong na mô boong”; lú c” l”i, sau cùng đau quá xin tha. Anh chàng trối c” ba lời gi”i ra đình. Ba anh d”i gái tiêu bi”u cho th” l”c phong ki”n b” ngoài đ”o m”o nay l” nguyên hình. Truy”n “Nam mô boong” có ý nghĩa đ”u tranh xã hội minh m”.

Nhìn chung, kho tàng truy”n c”i mang ”nh h”ng Phật giáo có ý nghĩa nhân sinh sâu

số c. Truy cập đã kích thích nhòm xây dựng những tình cảm lành mạnh. Đồng thời nhân gian, tầng ni là những người mù u mù c đi bệnh viện đi o đi c, không thể chấp nhận những chuyện suy đi i h. Vì thế dân gian dùng tiếng cười đi kích vào số vị phạm luân lý đi o đi c, l giáo - 3 anh đi gái đi "anh hùng tống ng" trong hoàn cảnh những anh hùng chút nào nhòm nhòm góp phần đi u tranh cho luân lý đi o đi c xã hội.

Nhìn lại nội dung một số sáng tác văn học dân gian như thi ca, loại tục ngữ, ca dao, truyện ngôn ngữ, truyện cổ tích, truyện cười trong quan hệ như những vai tình thế Phật giáo ta thấy ít nhiều văn học dân gian đã phần ánh mặt trời sáng, có một số tác phẩm mạnh mẽ trong đi sáng tín ngưỡng,

tôi nên một số kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản sắc dân tộc và tinh thần Phật giáo. Qua một số nét cơ bản vừa phân tích tìm hiểu ta thấy được Phật giáo có sức ảnh hưởng không nhỏ, góp phần thiết thực với tâm hồn người Việt Nam.

Ông cha ta vừa tiếp thu tinh thần Phật giáo làm kim chỉ nam vừa tôn trọng luân lý nhân bản. Xuyên suốt lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo trong quá trình du nhập đã hòa mình, thích nghi với tâm hồn dân Việt kết thành một dây bản chất giữa Phật giáo và dân tộc. Với quá khứ trên hai ngàn năm lịch sử, Phật giáo Việt Nam, với ảnh hưởng mạnh mẽ của mình ở khía cạnh tích cực nhất, đã có một trong dòng văn học tràn đầy tình thơ mộng cao cả của đức từ bi hiền xã, là hình bóng của lý tưởng Bồ Tát thơ mộng

ban vui cười kh.

Tóm lại, nằm trên những trang số oai hùng của dân tộc, Phật giáo của bao đời bao dân tộc thì trong văn học nói chung, văn học dân gian nói riêng, đạo Phật đã và đang là nguồn hàng kho vô biên cho những tâm hồn nghệ sĩ trong sáng, vượt lên cái tình túy - nỗi khát khao nghìn đời đời sống trong một thế giới đời đời tình người. Đó là một cái ý nghĩa cao cả của lòng từ bi đã hòa nhập vào dòng văn hóa truyền thống dân tộc.

Thích Đăng Văn